

Số: 317 /BC-THXP

Xuân Phương, ngày 28 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Thông tin học sinh theo từng khối, bình quân số học sinh trên lớp, số lượng học sinh học 2 buổi/ngày, số học sinh nam, nữ, dân tộc, khuyết tật, số học sinh chuyển trường của Trường tiểu học Xuân Phương

1. Tổng số học sinh theo từng khối

TT	Khối	Số lượng	Ghi chú
1	Khối 1	482	
2	Khối 2	566	
3	Khối 3	504	
4	Khối 4	582	
5	Khối 5	519	
	Tổng:	2.653	

2. Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối

TT	Khối	Số lượng	Số lớp	Số lượng học sinh bình quân/lớp
1	Khối 1	482	11 lớp	43,8/lớp
2	Khối 2	566	12 lớp	47,1/lớp
3	Khối 3	504	11 lớp	45,8/lớp
4	Khối 4	582	14 lớp	41,5/lớp
5	Khối 5	519	12 lớp	43,25/lớp
	Tổng:	2.653	60 lớp	44,2/lớp

3. Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày

TT	Khối	Số lượng học sinh học 2 buổi/ngày	Ghi chú
1	Khối 1	482	
2	Khối 2	566	
3	Khối 3	504	
4	Khối 4	582	
5	Khối 5	519	
		2.653	

4. Số lượng học sinh Nam, Nữ



TT	Khối	Số lượng	Nam	Nữ
1	Khối 1	482	250	232
2	Khối 2	566	297	269
3	Khối 3	504	256	248
4	Khối 4	582	277	305
5	Khối 5	519	277	242
	Tổng:	2.653 (Nữ 1296)	1357	1296

5. Số học sinh dân tộc, khuyết tật

TT	Khối	Số lượng học sinh Dân tộc	Số lượng học sinh khuyết tật
1	Khối 1	09 học sinh	0 học sinh
2	Khối 2	08 học sinh	05 học sinh
3	Khối 3	12 học sinh	05 học sinh
4	Khối 4	15 học sinh	03 học sinh
5	Khối 5	08 học sinh	06 học sinh
	Tổng:	52 học sinh	19 học sinh

6. Số học sinh chuyển trường (chuyển đi, chuyển đến)

TT	Khối	Số lượng học sinh chuyển đi, đã hoàn thành chương trình lớp học năm học 2025-2026	Số lượng học sinh chuyển đến năm học 2026-2027
1	Khối 1	19 học sinh (1A6, 1A5, 1A2, 1A5, 1A1, 1A4, 1A4, 1A6, 1A6, 1A3, 1A3, 1A5, 1A6, 1A5, 1A1, 1A2, 1A6, 1A3, 1A4) 11 học sinh phân hiệu 1 (1A6, 1A1, 1A4, 1A4, 1A3, 1A5, 1A6, 1A5, 1A3, 1A1, 1A3,	06 học sinh (1A3, 1A4, 1A3, 1A4, 1A6, 1A6)
2	Khối 2	8 học sinh (2A3, 2A1, 2A5, 2A1, 2A3, 2A4, 2A4, 2A2) 12 học sinh phân hiệu 1 (2A3, 2A3, 2A1, 2A2, 2A3, 2A4, 2A1, 2A2, 2A3, 2A6, 2A6, 2A7) 08 học sinh phân hiệu 1 (2A7, 2A12, 2A10, 2A7, 2A11, 2A9, 2A12, 2A7)	14 học sinh (2A1, 2A6, 2A3, 2A5, 2A3, 2A5, 2A2, 2A2, 2A3, 2A6, 2A6, 2A6, 2A5, 2A5) 08 học sinh phân hiệu 1 (2A7, 2A12, 2A10, 2A7, 2A11, 2A9, 2A12, 2A7)

3	Khối 3	16 học sinh (3A1, 3A6, 3A3, 3A4, 3A4, 3A6, 3A3, 3A2, 3A3, 3A1, 3A3, 3A3, 3A6, 3A5, 3A1, 3A1) 20 học sinh phân hiệu 1 (3A6, 3A1, 3A5, 3A3, 3A2, 3A7, 3A1, 3A8, 3A8, 3A4, 3A7, 3A6, 3A7, 3A3, 3A3, 3A1, 3A5, 3A1, 3A3, 3A11)	18 học sinh (3A3, 3A1, 3A1, 3A4, 3A4, 3A1, 3A4, 3A5, 3A3, 3A1, 3A5, 3A2, 3A2, 3A1, 3A3, 3A5, 3A4, 3A4) 03 học sinh phân hiệu 1 (3A8, 3A11, 3A11)
4	Khối 4	08 học sinh (4A1, 4A5, 4A1, 4A1, 4A5, 4A4, 4A1, 4A5) 16 học sinh phân hiệu 1 (4A1, 4A2, 4A5, 4A2, 4A2, 4A2, 4A3, 4A1, 4A2, 4A6, 4A6, 4A3, 4A3, 4A8, 4A9, 4A13)	14 học sinh (4A1, 4A1, 4A2, 4A4, 4A4, 4A1, 4A1, 4A6, 4A6, 4A2, 4A2, 4A3, 4A2, 4A3) 03 học sinh phân hiệu 1 (4A9, 4A7, 4A7)
5	Khối 5	01 học sinh phân hiệu 1 (5A11)	09 học sinh (5A3, 5A5, 5A1, 5A5, 5A4, 5A5, 5A1, 5A3, 5A3) 05 học sinh phân hiệu 1 (5A9, 5A8, 5A8, 5A10, 5A10)
	Tổng:	51 học sinh trường chính 60 học sinh phân hiệu 1 Tổng: 111 HS	61 học sinh trường chính 19 học sinh phân hiệu 1 Tổng: 80 HS

Nơi nhận:

- Hồ sơ công khai;
- Websi nhà trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Lan



